

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 4207 /SGDDĐT-GDTEXHSSV
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
năm học 2026-2027 đối với
giáo dục thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Trung tâm GDTX Quảng Ngãi;
- Các trung tâm GDNN-GDTX khu vực;
- Các trung tâm ngoại ngữ, tin học;
- Các cơ sở hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Căn cứ Công văn số 5747/BGDDĐT-GDNNGDTX ngày 25/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ngãi; Để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với lĩnh vực giáo dục thường xuyên (GDTX), Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Năm học 2026-2027 là năm tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách và quy định mới về GDTX nhằm tạo chuyển biến đột phá rõ nét, thực chất theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW¹; kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm² và Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung³ đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Triển khai các chương trình GDTX, đặc biệt đối với các chương trình xóa mù chữ, chương trình GDTX cấp trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT); đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các thành quả của khoa học, kỹ thuật trong giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học; tập trung triển khai, đẩy mạnh thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”,...

Sở GDĐT đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thông báo số 105-TB/VPTW của

¹ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

² Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

³ Chỉ thị số 31/CT-TTg, ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027.

Văn phòng Trung ương Đảng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (Luật số 123/2025/QH15) và Luật Giáo dục nghề nghiệp (Luật số 124/2025/QH15), các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định liên quan; tổ chức quán triệt, chuẩn bị các điều kiện và triển khai thực hiện Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; cụ thể hóa các chủ trương, chính sách mới thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ và sản phẩm cụ thể trong kế hoạch năm học 2026-2027.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn, hướng nghiệp; chú trọng mô hình trung học nghề, các chương trình về GDTX và các chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo sự đồng thuận của xã hội và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh và đào tạo nghề. Kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn.

3. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDTX, trung tâm học tập cộng đồng phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy mô dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực của từng địa phương; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, ngành, nghề đào tạo trùng lặp, quy mô nhỏ, hiệu quả thấp. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục phù hợp với quy mô, cơ cấu, ngành, nghề đào tạo và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục, bảo đảm ổn định về vị trí việc làm, chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý trong quá trình sắp xếp mạng lưới. Sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở GDTX, lớp, phân hiệu, điểm trường phân bố hợp lý, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không bị gián đoạn hoạt động giảng dạy và quản lý, thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở GDTX khi sắp xếp tổ chức.

4. Quán triệt tinh thần đột phá, ưu tiên chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Ưu tiên nguồn lực triển khai cơ sở dữ liệu về GDTX, học bạ số, văn bằng số; bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối, liên thông dữ liệu giữa các cơ sở GDTX với hệ thống chung của ngành; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ dạy học, quản lý, điều hành. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số bảo đảm liên chính học thuật, minh bạch, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật và hướng dẫn chuyên ngành có liên quan; thực hiện thống nhất giữa nhiệm vụ chung và các nhiệm vụ cụ thể của GDTX, tránh trùng lặp, theo hướng dữ liệu dùng chung, liên thông, giảm báo cáo và giảm thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính.

5. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo, tập trung phát triển nhân lực cho các ngành STEM, lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn, ngành nghề mới và các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao; đồng thời chú trọng đào tạo, đào tạo lại tại địa bàn khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác hướng nghiệp, phân luồng, đa dạng hóa phương thức tuyển sinh và đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở GDTX theo lộ trình, phù hợp chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề, năng

lực đội ngũ và điều kiện bảo đảm chất lượng; không áp dụng đồng loạt khi chưa đủ điều kiện.

6. Quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển GDTX trong kế hoạch dự toán ngân sách năm 2027 và giai đoạn 2027-2030 của bộ ngành, địa phương, đơn vị.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo; in ấn, quản lý, cấp phát và sử dụng văn bằng, chứng chỉ GDTX; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

II. VỀ CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDTX

a) Tiếp tục rà soát mạng lưới cơ sở GDTX phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm các cơ sở GDTX công lập sau sắp xếp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học. Đồng thời rà soát, kiện toàn bộ máy, bố trí đủ đội ngũ nhà giáo đối với các cơ sở GDTX công lập để thực hiện Chương trình GDTX cấp trung học cơ sở (THCS), cấp trung học phổ thông (THPT). Tham mưu, phối hợp với cấp có thẩm quyền để bố trí công chức có chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước về GDTX tại cấp xã, bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX và trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) sau sắp xếp, sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, thiết bị sau sắp xếp cơ sở GDTX.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới TTHTCĐ tại các xã, phường, đặc khu; chú trọng nâng cấp TTHTCĐ thành trung tâm học tập số phục vụ cho việc xây dựng xã học tập, xây dựng nông thôn mới.

2. Tổ chức hiệu quả, chất lượng thực hiện chương trình GDTX, đa dạng hóa, hiện đại hóa và đẩy mạnh hoạt động của các cơ sở GDTX

a) Các cơ sở GDTX, cơ sở giáo dục khác đa dạng hóa các chương trình GDTX bảo đảm chất lượng. Tiếp tục nâng cao chất lượng và các điều kiện đảm bảo thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS, cấp THPT; tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học. Cụ thể:

(i) Giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật:

- Tổ chức giáo dục STEM/STEAM, hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo phù hợp với mục tiêu của Chương trình GDTX cấp THCS, cấp THPT, điều kiện của cơ sở giáo dục, năng lực, đặc điểm của người học GDTX, thích ứng với bối cảnh mới, gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM/STEAM;

- Khuyến khích khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở GDNN, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên các mô hình gắn với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Không tổ chức giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ

thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

(ii) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nội dung giáo dục địa phương:

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi và điều kiện thực tế; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp cho học viên. Tư vấn, hỗ trợ học viên nhận biết sở thích, năng lực để lựa chọn lộ trình học tập, môn học, chuyên đề và ngành nghề phù hợp với năng lực cá nhân.

- Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình, phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương; gắn với giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và định hướng nghề nghiệp.

- Các hoạt động ngoài cơ sở giáo dục phải có kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn và phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan.

(iii) Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

- Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp từng cấp học theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số.

- Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT⁴.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá

(i) Thực hiện kiểm tra, đánh giá đúng quy định, đảm bảo khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của người học; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ theo quy định.

(ii) Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS, cấp THPT. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học viên, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học viên giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với phụ huynh học viên.

⁴ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số.

(iii) Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học viên chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học viên có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục. Cấp có thẩm quyền tăng cường hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ chuyên môn đối với các cơ sở GDTX.

(iv) Tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học.

c) Đa dạng hóa các chương trình GDTX đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Rà soát, đánh giá, tổ chức hiệu quả các chương trình học tập, bồi dưỡng ngắn hạn về cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, ngoại ngữ, tin học (cơ bản, nâng cao) và chuyển giao công nghệ,... để xây dựng các chương trình học tập mới theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu học tập, học tập suốt đời của người dân.

d) Tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động các trung tâm ngoại ngữ, tin học (TTNNTH) đảm bảo tất cả các trung tâm hoạt động theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, có đầy đủ chương trình, tài liệu và tổ chức quản lý các lớp học, học viên tại trung tâm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư tham gia hoạt động, đầu tư, thành lập các TTNNTH.

đ) Triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” đối với lĩnh vực GDTX.

(i) Tổ chức dạy học và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học tại các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình GDTX cấp THCS, THPT theo đề án của Chính phủ⁵, các hướng dẫn của Bộ GDĐT, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học viên. Nâng cao năng lực tiếng Anh cho người học GDTX, đa dạng hóa hình thức và nội dung học tập tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt của các cơ sở giáo dục; tổ chức các lớp học chuyên đề, lồng ghép thực hành, trải nghiệm tiếng Anh trong nội dung môn học, thành lập câu lạc bộ tiếng Anh, triển khai hoạt động trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số trong dạy và học tiếng Anh.

(ii) Tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình GDTX cấp THCS, THPT. Đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện của cơ sở giáo dục. Phát triển, chia sẻ học liệu dùng chung. Bồi dưỡng, điều động và bố trí đội ngũ theo thẩm quyền, bảo đảm chất lượng và cơ hội học ngoại ngữ của học viên, theo lộ trình, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

⁵ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

e) Thực hiện gắn kết hoạt động giữa cơ sở GDTX với cơ sở GDNN và doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; phát huy vai trò của trung tâm học tập cộng đồng trong tổ chức các hoạt động học tập tại cơ sở.

g) Chú trọng đổi mới và đa dạng hóa đối với công tác tuyển sinh, tư vấn lựa chọn môn học đối với học viên lớp 10 trước khi học sinh đăng ký. Cung cấp thông tin đầy đủ về tổ hợp môn học, điều kiện tổ chức dạy học của trung tâm, định hướng nghề nghiệp, yêu cầu thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học, GDNN được cập nhật theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT và các lộ trình học tập sau THPT. Không để học sinh lựa chọn môn học theo cảm tính, thiếu thông tin hoặc do trung tâm áp đặt. Trường hợp học viên có nhu cầu thay đổi môn học lựa chọn, trung tâm thực hiện theo quy định. Có phương án hỗ trợ học viên bổ sung kiến thức, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập và bảo đảm quyền lợi học tập, định hướng sau THPT của học viên.

3. Bồi dưỡng đội ngũ

a) Chủ động tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực quản trị và năng lực số, trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên GDTX.

b) Hướng dẫn giáo viên kỹ năng xây dựng chương trình, phát triển học liệu và áp dụng các phương pháp dạy học tích cực. Xây dựng và phát triển học liệu điện tử (giáo trình số, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi, tài liệu mở) và chia sẻ trên kho học liệu chung lĩnh vực GDTX.

c) Tham mưu trình các cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện về cơ cấu, số lượng, chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ đối với giám đốc trung tâm, phó giám đốc trung tâm và chế độ chính sách đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục trong các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN- GDTX theo hướng dẫn của Chính phủ⁶ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với giám đốc trung tâm, phó giám đốc trung tâm, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

d) Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, tuyển dụng, hợp đồng đủ giáo viên theo quy định ngay từ đầu năm học 2026 - 2027. Nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút nhà giáo, nhất là giáo viên các môn học đặc thù và công tác ở vùng khó khăn; sửa đổi quy định về định mức, chế độ làm việc của giáo viên phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; hướng dẫn cắt giảm hồ sơ, sổ sách, giảm áp lực hành chính để giáo viên tập trung cho công tác chuyên môn. Hướng dẫn tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức cấp xã quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm thực hiện thông suốt, hiệu quả các hoạt động giáo dục tại địa phương.

4. Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ (XMC)

⁶ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 05/8/2026

a) Tiếp tục rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, XMC các cấp; tổ chức điều tra, rà soát người mù chữ, người tái mù chữ trên địa bàn để xây dựng kế hoạch XMC hằng năm và tổ chức các lớp XMC theo hướng linh hoạt, đa dạng hình thức (học trực tiếp, trực tuyến, qua truyền thanh, truyền hình,...), bảo đảm phù hợp với đặc điểm người học, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về XMC; tăng cường huy động người học tham gia các lớp XMC, duy trì kết quả sau biết chữ và mở rộng các chương trình học tập tiếp nối.

b) Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng hỗ trợ người học cho đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, cộng tác viên và lực lượng tham gia dạy XMC.

c) Tham mưu cấp thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với giáo viên, lực lượng tham gia dạy XMC và người học XMC; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án liên quan để bảo đảm điều kiện thực hiện hiệu quả.

5. Xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời

a) Tiếp tục rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” hằng năm; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đưa chỉ tiêu xây dựng xã hội học tập vào chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và lâu dài.

b) Phát huy vai trò, sức mạnh tổng hợp của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, hội khuyến học, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng trong xây dựng môi trường học tập thường xuyên; tạo nguồn lực bền vững cho phong trào học tập suốt đời; gắn nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, coi đây là trách nhiệm chung trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của toàn hệ thống chính trị.

c) Khuyến khích người dân học tập thường xuyên, học tập suốt đời thông qua nhiều hình thức linh hoạt: trực tiếp, trực tuyến, tự học có hướng dẫn, học qua truyền thanh, truyền hình, các mô hình trải nghiệm cộng đồng; bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế và nhu cầu người học. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để mỗi công dân tích cực học tập thường xuyên, liên tục, nâng cao tri thức, kỹ năng, năng lực thích ứng với yêu cầu phát triển mới, phù hợp mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời theo Nghị quyết số 71-NQ/TW.

d) Hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ học tập suốt đời và các hoạt động khác liên quan đến xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời⁷ tại cơ quan, đơn vị; tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận các mô hình học tập (đơn vị học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập) bảo đảm thực chất, hiệu

⁷ Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam, hội thảo, hội nghị, tọa đàm về xây dựng XHHT, học tập suốt đời, xây dựng thành phố học tập trong mạng lưới toàn cầu của UNESCO, ...

quả; góp phần khơi dậy văn hóa học tập trong toàn dân và thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời.

6. Đổi mới quản lý GDTX, đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó tiếp tục triển khai học bạ số, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong học tập, xây dựng xã hội học tập: khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống thư viện số, cơ sở dữ liệu học tập quốc gia; phát triển kho học liệu mở, tài liệu số phục vụ nhu cầu học tập đa dạng; đồng thời ưu tiên bảo đảm hạ tầng Internet, thiết bị và bồi dưỡng kỹ năng số cho người học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nhóm đối tượng yếu thế.

b) Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

(i) Áp dụng hệ thống quản lý học tập và quản lý trung tâm GDTX trên nền tảng số. Triển khai hiệu quả học bạ số, học liệu số và tuyển sinh trực tuyến bảo đảm kết nối, liên thông, khả năng khai thác. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; quản lý đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu và phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình học viên⁸.

(ii) Cập nhật, khai thác dữ liệu GDTX theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, an toàn và dùng chung, bảo đảm tính liên thông hệ thống để giảm thiểu hồ sơ, báo cáo. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các đối tượng liên quan. Dữ liệu phải phục vụ quản lý, dự báo, điều hành, điều tiết đội ngũ, phân bổ nguồn lực và hỗ trợ cơ sở GDTX trên địa bàn.

(iii) Sử dụng dữ liệu để kịp thời phát hiện tình trạng thiếu giáo viên, thiếu phòng học, thiếu thiết bị, học viên có nguy cơ bỏ học, học sinh chưa được hưởng chính sách, địa bàn có nguy cơ giảm chất lượng giáo dục, trung tâm thiếu điều kiện tối thiểu hoặc phát sinh mất an toàn. Thực hiện nguyên tắc dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn thì không yêu cầu cơ sở giáo dục, giáo viên cung cấp lại. Không làm phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

(iv) Sử dụng học bạ số và hồ sơ quản lý học viên điện tử thay cho phương thức thủ công; bảo đảm đồng bộ, chính xác và khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, giảm các báo cáo hành chính để giảm áp lực cho giáo viên và các cơ sở giáo dục. Khuyến khích sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử trong cơ sở giáo dục để giảm áp lực cho giáo viên.

(v) Các trung tâm GDTX tham gia xây dựng kho học liệu số mở dùng chung cho hệ thống GDTX; khuyến khích giáo viên biên soạn, chia sẻ tài nguyên số.

⁸ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên GDTX.

(vi) Định kỳ đánh giá mức độ chuyển đổi số của trung tâm GDTX theo Bộ chỉ số của Bộ GDĐT.

c) Tổ chức lớp phổ cập kỹ năng số theo Phong trào “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; tăng cường mở các khóa bồi dưỡng ngắn hạn gắn với nhu cầu nhân lực.

d) Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

(i) Tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình GDTX.

(ii) Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi người học, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

(iii) Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động GDTX trên địa bàn; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới GDTX và chính sách đối với người học, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

(iv) Đổi mới công tác kiểm tra theo hướng tăng cường hậu kiểm, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giám sát; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong quản lý hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học và các cơ sở GDTX; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần bảo đảm kỷ cương, nề nếp và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống GDTX.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở hướng dẫn và tình hình cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ, phân bổ nguồn lực để triển khai nhiệm vụ GDTX năm học 2026-2027 theo tinh thần “6 rõ” và tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cơ sở giáo dục. Chủ động tham mưu cấp thẩm quyền và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên; mạng lưới cơ sở GDTX; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, học liệu; an toàn tại cơ sở giáo dục; chính sách hỗ trợ học viên và các điều kiện thực hiện chương trình GDTX.

2. Đối với nhiệm vụ có nội dung phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở GDNN, cơ sở GDTX chủ động trao đổi, ký kết thỏa thuận phối hợp theo chức năng, thẩm quyền và quy định pháp luật.

3. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GDĐT, căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Sở GDĐT gửi kèm theo Công văn này danh mục các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan; đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị, đồng thời kịp thời cập nhật các quy định pháp luật mới trong quá trình thực hiện-nếu có (*Phụ lục kèm theo*).

4. Các cơ sở GDTX báo cáo sơ kết học kỳ I của năm học 2026-2027 **trước ngày 22/01/2027** và báo cáo tổng kết năm học 2026-2027 **trước ngày 31/5/2027** về Sở GDĐT.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở GDĐT (*qua Phòng Giáo dục thường xuyên và Công tác học sinh, sinh viên*) để được xem xét, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./. *ThSnh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục GDNN và GDTX, Bộ GDĐT (*báo cáo*);
- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- UBND các xã, phường, đặc khu (*để phối hợp*);
- Giám đốc Sở GDĐT (*báo cáo*);
- Các PGĐ Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDTXHSSV_{HNT}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Thắng



PHỤ LỤC I. NHỊ MỤC VĂN BẢN

(Kèm theo Công văn số 42078/GDĐT-GDTHSSV ngày 27/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Nghị định của Chính phủ

1. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/3/2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.
2. Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Giáo dục nghề nghiệp.
3. Nghị định số 138/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật việc làm.
4. Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ quy định phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhà giáo.
5. Nghị định số 308/2026/NĐ-CP ngày 5/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

II. Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
2. Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15.
3. Quyết định số 530/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.
4. Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
5. Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

III. Quyết định, Thông tư và các văn bản của Bộ GDĐT

1. Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo.
2. Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.
3. Thông tư số 05/2026/TT-BGDĐT ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
4. Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT ngày 26/02/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục.

6. Thông tư số 17/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7. Thông tư số 24/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên sơ cấp, giáo viên trung cấp.

8. Thông tư số 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

9. Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định việc xác định tương đương chức danh nhà giáo.

10. Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

11. Thông tư số 37/2026/TT-BGDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao

12. Thông tư số 38/2026/TT-BGDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

13. Thông tư số 39/2026/TT-BGDĐT ngày 12/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định quy trình biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

14. Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về công tác sinh viên.

15. Thông tư số 43/2026/TT-BGDĐT ngày 09/6/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn người dạy nghề.

16. Thông tư số 46/2026/TT-BGDĐT ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường trung học nghề.

17. Thông tư số 49/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

18. Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học.

19. Thông tư số 55/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

20. Thông tư số 59/2026/TT-BGDĐT ngày 15/7/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về nhà giáo hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu và nhà giáo thỉnh giảng.

21. Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

22. Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

23. Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn, ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

24. Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

25. Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.

26. Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên.

27. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

28. Thông tư số 28/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

29. Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình xóa mù chữ.

30. Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

31. Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

32. Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

33. Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

34. Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

35. Thông tư số 10/2022/TT-BGDĐT ngày 12/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định đánh giá và xếp loại học viên học chương trình xóa mù chữ.

36. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về đánh giá, công nhận "Đơn vị học tập" cấp huyện, tỉnh.

37. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã, huyện, tỉnh.

38. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

39. Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

40. Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Trung tâm học tập cộng đồng.

IV. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời

1. Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 24/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trong thời kỳ mới.

2. Nghị quyết số 49/2026/NQ-HĐND ngày 30/5/2026 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-20230" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về triển khai Phong trào "Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.

5. Công văn số 3401/UBND-KGVX ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trong thời kỳ mới.

6. Công văn số 01/CV-BCĐ ngày 16/4/2026 của Ban Chỉ đạo "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.